

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÔN, TỔ DÂN PHỐ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP THUỘC 86 XÃ VÀ ĐẶC KHU LÝ SƠN
(Kèm theo Phương án số 5458/PA-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/T DP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG			539	192	1	208	138	0	0		
1	Xã Tịnh Khê											
1	Thôn Phú Bình	4.498	1.053	X	X							
2	Thôn Gia Hoà	3.388	814	X	X							
3	Thôn Tăng Long	2.071	500	X	X							
4	Thôn An Lộc	2.537	605	X	X							
5	Thôn An Đạo	2.042	518	X	X							
6	Thôn Long Thành	3.684	704	X	X							
7	Thôn Khánh Lâm	2.018	495	X	X							
8	Thôn Tư Cung	3.477	802	X	X							
9	Thôn Mỹ Lại	4.734	1.048	X	X							
10	Thôn Trường Định	3.095	701	X	X							
11	Thôn Cổ Luỹ	5.467	1.295	X	X							
12	Thôn Kỳ Xuyên	2.585	585	X	X							
13	Thôn An Kỳ	4.799	1.097	X	X							
14	Thôn An Vĩnh	3.642	848	X	X							
2	Xã An Phú											
1	Thôn 10 (Lấy tên thôn Phú Mỹ)		815	X	X							
2	Thôn Phô Trung		889	X	X							
3	Thôn Tân An		1.083	X	X							
4	Thôn Kim Thạch		869	X	X							
3	Xã Nguyễn Nghiêm											
1	Thôn Phước Lợi	1.665	454	X	X							
2	Thôn Nhơn Bích	1.665	469	X	X							
3	Thôn Tân Phong	1.359	385	X	X							
4	Thôn Hiệp An	2.200	613	X	X							
5	Thôn Vạn Trung	2.443	663	X	X							
6	Thôn Hùng Nghĩa	2.207	615	X	X							

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/T DP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Xã Khánh Cường											
1	Thôn Diên Trường	4.609	1.153	X	X							
2	Thôn Trung Sơn	1.811	455	X	X							
3	Thôn Vĩnh An	1.786	436	X	X							
4	Thôn Xuân Thành	1.773	437	X	X							
5	Thôn Nga Mân	2.453	595	X	X							
6	Thôn Thủy Thạch	1.896	497	X	X							
5	Xã Bình Minh											
1	Thôn Lộc Thanh	2.024	474	X	X							
2	Thôn Mỹ Long An	1.991	479	X	X							
3	Thôn Mỹ Long Tây	2.151	480	X	X							
4	Thôn Tân Phước	2.281	580	X	X							
5	Thôn Tân Phước Đông	2.379	615	X	X							
6	Thôn An Khương	1.085	316	X	X							
7	Thôn Thọ An	769	202	X			X					
8	Thôn Trà Lâm	1.224	348	X	X							
9	Thôn Phước An	1.422	407	X	X							
6	Xã Bình Chương (không sắp xếp)											
1	Thôn An Phong	2.046	474	X	X							
2	Thôn Phước Tích	2.101	459	X	X							
3	Thôn Thạch An	4.404	1.046	X	X							
4	Thôn Ngọc Trì	1.806	448	X	X							
5	Thôn An Diêm 2	1.892	482	X	X							
6	Thôn An Diêm 1	2.541	659	X	X							
7	Thôn Nam Thuận	1.662	442	X	X							
7	Xã Bình Sơn											
1	Thôn Phú Lễ 1	2.887	788	X	X							
2	Thôn Phú Lễ 2	2.810	767	X	X							
3	Thôn Châu Từ	1.987	573	X	X							
4	Thôn Phước Bình	2.841	775	X	X							
5	Thôn Phước Thành	1.673	464	X	X							
6	Thôn Trung An	5.112	1.498	X	X							
7	Thôn Hải Ninh	4.250	1.217	X	X							
8	Thôn Vĩnh An	2.312	657	X	X							
9	Thôn Vĩnh Trà	2.534	706	X	X							
10	Thôn Bình An Nội	2.493	764	X	X							
11	Thôn Quang Trung	1.892	566	X	X							
12	Thôn Mỹ Tân	5.625	1.562	X	X							
13	Thôn Bàu Chuộc	3.249	906	X	X							
8	Xã Vạn Trường											
1	Thôn Thượng Hòa	1.683	546	X	X							
2	Thôn Sơn Trà	3.419	1.159	X	X							
3	Thôn Phước Hòa	1701	671	X	X							
4	Thôn Lệ Thủy	2086	653	X	X							

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/T DP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Dù tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Dù tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Dù tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Dù tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Thôn An Cường	2566	740	X	X							
9	Xã Đông Sơn											
1	Thôn An Quang	1.759	510	X	X							
2	Thôn Phước Hòa	2.034	636	X	X							
3	Thôn Thanh Thiện	1.504	419	X	X							
4	Thôn Diên Lộc	2.176	553	X	X							
5	Thôn Liêm Quang	1.597	450	X	X							
6	Thôn An Thanh	1.410	457	X	X							
7	Thôn Châu Thuận Nông	1.876	462	X	X							
8	Thôn Châu Thuận Tây	2.021	543	X	X							
9	Thôn Châu Thuận Biền	2.810	750	X	X							
10	Thôn Phú Quý	1.782	473	X	X							
11	Thôn An Hải	2.017	554	X	X							
12	Xuân An	3.577	939	X	X							
13	Hòa Thuận	2.903	781	X	X							
14	Trung Vĩnh	2.274	607	X	X							
15	Quang Mỹ	2.687	696	X	X							
16	Diêm Diên	1.910	451	X	X							
10	Xã Trường Giang											
1	Thôn Đông Hòa	2.174	493	X	X							
2	Thôn Minh Thành	1.768	444	X	X							
3	Thôn Minh Khánh	1.880	467	X	X							
11	Xã Ba Gia											
1	Thôn Minh Mỹ	2.915	636	X	X							
2	Thôn Mỹ Danh	1.976	499	X	X							
3	Thôn Đức Sơn	2.267	569	X	X							
4	Thôn Vĩnh Tuy	2.468	616	X	X							
5	Thôn Trà Bình	2.340	578	X	X							
6	Thôn Thạch Nội	1.452	337	X	X							
12	Xã Sơn Tịnh											
1	Thôn Bình Nam	4.016	996	X	X							
2	Thôn Bình Bắc	4.845	1.132	X	X							
3	Thôn Bình Đông	2.848	685	X	X							
4	Thôn Diên Niên	2.627	614	X	X							
5	Thôn Trường Xuân	1.828	463	X	X							
6	Thôn Thọ Lộc Tây	2.322	543	X	X							
7	Thôn Thọ Lộc Đông	1.809	432	X	X							
8	Thôn Thọ Lộc Bắc	1.756	416	X	X							
9	Thôn Hà Nhai Bắc	1.992	461	X	X							
10	Thôn Hà Nhai Nam	2.207	506	X	X							
11	Thôn Hà Trung	1.873	436	X	X							
12	Thôn Lâm Lộc Nam	2.637	610	X	X							
13	Thôn Lâm Lộc Bắc	1.455	327	X	X							
13	Xã Thọ Phong											
1	Thôn Thọ Đông	1.928	501	X	X							
2	Thôn Thọ Tây	3.447	819	X	X							
3	Thôn Thọ Nam	1.967	575	X	X							

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/T DP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Dù tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Dù tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Dù tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Dù tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Thôn Thọ Bắc	3.493	831	X	X							
5	Thôn Thọ Trung	3.664	890	X	X							
6	Thôn Thế Lợi	2.335	561	X	X							
7	Thôn Thế Long	1.939	569	X	X							
8	Thôn Phong Niên Thượng	2.854	677	X	X							
9	Thôn Phong Niên Hạ	2.704	613	X	X							
14	Xã Tư Nghĩa											
1	Thôn La Hà Thạch Trần	2.618	684	X	X							
2	Thôn An Bình	3.557	878	X	X							
3	Thôn An Nghĩa	2.082	519	X	X							
4	Thôn Hòa Tân	2.992	712	X	X							
5	Thôn An Hà 1	3.474	884	X	X							
6	Thôn An Hà 3	2.062	538	X	X							
15	Xã Vệ Giang											
1	Thôn Năng Xã	3.155	786	X	X							
2	Thôn Năng Đông	1.812	492	X	X							
3	Thôn Hải Môn	2.053	547	X	X							
4	Thôn Đông Mỹ	2.379	622	X	X							
5	Thôn Thế Bình	2.050	533	X	X							
6	Thôn Đồng Viên	1.874	506	X	X							
7	Thôn Sông Vệ	3.958	940	X	X							
8	Thôn Vạn Mỹ	2.385	556	X	X							
9	Thôn An Bằng	1.801	421	X	X							
10	Thôn Phú Mỹ	2.489	594	X	X							
11	Thôn Mỹ Hòa	2.344	553	X	X							
12	Thôn Bách Mỹ	1.710	404	X	X							
13	Thôn An Đại 3	1.952	447	X	X							
14	Thôn Năng Tây 1	1.773	417	X	X							
15	Thôn Năng Tây 2	1.527	369	X	X							
16	Thôn Năng Tây 3	2.196	521	X	X							
16	Xã Nghĩa Giang (không sắp xếp)											
1	Thôn Nam Phước	1.320	358	X	X							
2	Thôn Phú Thuận	1.501	394	X	X							
3	Thôn Mỹ Thanh Đông	2.006	536	X	X							
4	Thôn Mỹ Thanh Nam	2.180	545	X	X							
5	Thôn Mỹ Thanh Bắc	1.885	501	X	X							
6	Thôn Xuân Phổ Đông	2.197	556	X	X							
7	Thôn Xuân Phổ Tây	1.607	426	X	X							
8	Thôn An Hội Bắc 1	1.946	459	X	X							
9	Thôn An Hội Bắc 2	2.606	660	X	X							
10	Thôn An Hội Bắc 3	1.767	457	X	X							

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/T DP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Dù tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Dù tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Dù tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Dù tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Thôn An Hội Nam 1	3.633	928	X	X							
12	Thôn An Hội Nam 2	1.984	505	X	X							
13	Thôn An Bình	2.778	728	X	X							
14	Thôn Phú Sơn	1.934	453	X	X							
15	Thôn Diên Hóa	2.510	683	X	X							
16	Thôn Diên Chánh	3.096	811	X	X							
17	Thôn Diên An	2.444	663	X	X							
18	Thôn Diên Long	1.627	417	X	X							
17	Xã Trà Giang											
1	Thôn 1	2.421	604	X	X							
2	Thôn An Hòa Nam	1.544	427	X	X							
3	Thôn An Tây	1.399	367	X	X							
18	Xã Nghĩa Hành											
1	Thôn Phú Vinh Đông	2.278	550	X	X							
2	Thôn Phú Vinh Tây	2.645	597	X	X							
3	Thôn Phú Vinh Trung	2.198	517	X	X							
4	Thôn Hiệp Phở Bắc	2.263	546	X	X							
5	Thôn Hiệp Phở Nam	2.440	559	X	X							
6	Thôn Hiệp Phở Trung	2.944	688	X	X							
7	Thôn Hiệp Phở Tây	2.382	587	X	X							
19	Xã Đình Cương											
1	Thôn Kỳ Thọ Bắc	2.692	636	X	X							
2	Thôn Đề An	1.930	503	X	X							
3	Thôn Hòa Thọ	2.972	678	X	X							
4	Thôn An Ba	2.093	569	X	X							
20	Xã Thiện Tín											
1	Thôn Bản Thới	1.340	348	X	X							
2	Thôn Ngọc Sơn	1.457	346	X	X							
21	Xã Phước Giang											
1	Thôn Tinh Phú Bắc	1.803	440	X	X							
2	Thôn Tinh Phú Nam	1.807	438	X	X							
3	Thôn An Phước	1.576	403	X	X							
22	Xã Long Phụng											
1	Thôn An Chuẩn	1.417	341	X	X							
2	Thôn Kỳ Tân	4.103	917	X	X							
23	Xã Mô Cày											
1	Thôn 1	2.816	699	X	X							
2	Thôn 4	3.896	938	X	X							
3	Thôn 5	2.893	723	X	X							
4	Thôn 6	5.446	1.387	X	X							
5	Thôn Phước Thịnh	3.786	1.027	X	X							
6	Thôn Lương Nông Bắc	2.453	623	X	X							
7	Thôn Minh Tân Nam	2.656	644	X	X							

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/T DP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Dù tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Dù tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Dù tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Dù tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	Thôn Minh Tân Bắc	3.086	691	X	X							
24	Xã Mộ Đức											
1	Thôn Vinh Phú	2.650	673	X	X							
2	Thôn Thiết Trường	3.507	928	X	X							
3	Thôn 1	2.409	696	X	X							
4	Thôn Phước Hòa	2.624	622	X	X							
25	Xã Lân Phong (không sắp xếp)											
1	Thôn Tú Sơn 1	2.899	755	X	X							
2	Thôn Tú Sơn 2	3.417	831	X	X							
3	Thôn Thạch Trụ Đông	3.813	877	X	X							
4	Thôn Thạch Trụ Tây	5.792	1.424	X	X							
5	Thôn Châu Me	3.642	946	X	X							
6	Thôn Lâm Hạ	3.729	912	X	X							
7	Thôn Lâm Thượng	3.297	848	X	X							
8	Thôn Thạch Thang	5.022	1.212	X	X							
9	Thôn Văn Hà	4.099	1.011	X	X							
26	Xã Trà Bồng											
1	Thôn Xuân Tây	1.263	336	X			X					
2	Thôn Xuân Trung	1.429	383	X			X					
3	Thôn Xuân Đông	1.253	324	X			X					
4	Thôn Xuân Khương	1.630	416	X			X					
5	Thôn Trà Xuân	1.313	346	X			X					
6	Thôn Đại An	1.780	468	X			X					
27	Xã Đông Trà Bồng											
1	Thôn Bình Đông	1.377	321	X			X					
2	Thôn Bình Tân	1.463	359	X			X					
3	Thôn Bình Trung	1.349	371	X			X					
4	Thôn Bình Thanh	1.672	463	X			X					
5	Thôn Phú Tài	1.523	444	X			X					
6	Thôn Phú Hòa	1.233	350	X			X					
28	Xã Tây Trà											
1	Thôn Trà Veo	923	226	X			X					
2	Thôn Gò Rô	1507	371	X			X					
3	Thôn Trà Kem	1048	274	X			X					
4	Thôn Trà Niu	859	223	X			X					
5	Thôn Trà Nga	1037	261	X			X					

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Dù tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Dù tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Dù tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Dù tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Thôn Hà Riêng	577	142	X				X			Thôn nằm biệt lập; không thể sáp nhập vào các thôn liền kề; Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại khó khăn. Thôn thuộc diện vùng đồng bào DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định 25/2026/QĐ- UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
7	Thôn Trà Ôi	449	107	X				X			Diện tích rộng 28,9 km2, nằm biệt lập, không thể sáp nhập vào các khu dân cư khác; vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại khó khăn. Thôn thuộc diện vùng đồng bào DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định 25/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
29	Xã Cà Đam											
1	Thôn Niễn	868	209	X			X					
2	Thôn Tang	327	71	X				X			Thôn Đặc biệt khó khăn được phê duyệt tại Quyết định 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026, giao thông đi lại khó khăn do địa hình đồi dốc, đường đất đá hay sạt lở vào mùa mưa, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa. Dân cư phân bố thưa thớt, nhiều hộ gia đình cách Nhà văn hóa thôn từ 3-7km.	
3	Thôn Quế	391	81	X				X			Thôn Đặc biệt khó khăn được phê duyệt tại Quyết định 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026, giao thông đi lại khó khăn do địa hình đồi dốc cao, dân cư phân bố dưới chân núi Cà Đam, đường đất đá hay sạt lở vào mùa mưa, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa. Dân cư phân bố thưa thớt, nhiều hộ gia đình cách Nhà văn hóa thôn từ 3-8km.	
30	Xã Thanh Bông											
1	Thôn Trà Lạc	991	204	X			X					
2	Thôn Trà Xanh	736	159	X				X			Mặc dù Thôn Trà Xanh chưa đảm bảo tiêu chuẩn trên 200 hộ theo quy định. Tuy nhiên do đặc thù miền núi, địa bàn rộng, chủ yếu đồi núi, dân cư phân bố rải rác, đi lại khó khăn trong mùa mưa bão với các thôn lân cận với nhau; thôn chiếm 98% đồng bào dân tộc thiểu số người Co sinh sống lâu đời về văn hoá, phong tục tập quán của đồng bào, không thể sáp nhập thêm thôn liền kề, Nếu nhập thêm thì địa bàn quá rộng, phân bố dân cư rải rác đi lại rất khó khăn.	
31	Xã Tây Trà Bông											
1	Thôn Tre	1.012	226	X			X					
32	Xã Sơn Hạ											
1	Thôn Đèo Ron	1.329	363	X			X					
2	Thôn Hà Bắc	2.645	716	X			X					
3	Thôn Trường Khay	1.461	381	X			X					
4	Thôn Trường Ka	1.841	514	X			X					
5	Thôn Kà Tu	1.586	446	X			X					
6	Thôn Canh Mo	893	244	X			X					
7	Thôn Bầu Sơn	1.042	284	X			X					
8	Thôn Cạn Sơn	938	275	X			X					
9	Thôn Châm Rao	988	282	X			X					
10	Thôn Gò Gạo	1.861	523	X			X					
11	Thôn Gò Ra	1.650	465	X			X					
12	Thôn Gò Chu	2.020	564	X			X					

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/T DP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	Thôn Hà Thành	1.670	475	X			X					
33	Xã Sơn Linh											
1	Thôn Lăng Trá	1365	369	X			X					
2	Thôn Lăng Rê	1548	419	X			X					
3	Thôn Ka La	1204	375	X			X					
4	Thôn Lăng Ghè	1204	347	X			X					
5	Thôn Lăng Rí	1244	346	X			X					
6	Thôn Xà Ay	869	228	X			X					
7	Thôn Tà Đĩnh	585	142	X				X			Xét điều kiện thực tế của thôn Tà Đĩnh là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi có vị trí không liền kề nhau với các thôn khác trong xã, địa hình bị chia cắt bởi suối, núi, đồi dốc cao và dài; diện tích rộng 4,753 km ² , dân cư sống rải rác, không tập trung, nằm độc lập riêng không nằm trên trục đường ĐH 73, đường giao thông đi lại không thuận lợi và nằm cách xa các thôn liền kề (cách trung tâm xã 07 km, cách xa thôn Lăng Rê khoảng 4 km), tỷ lệ hộ theo đạo tin lành chiếm 99%/tổng dân số toàn thôn, rất khó khăn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương và việc sinh hoạt, quản lý của tổ tự quản ở thôn	
8	Thôn Lăng Lùng	379	102	X				X			Xét điều kiện thực tế của thôn Lăng Lùng là thôn thuộc diện thôn đặc biệt khó khăn, thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, có vị trí không liền kề nhau với các thôn khác trong xã, địa hình bị chia cắt bởi suối, núi, đồi dốc cao và dài; diện tích rộng 6,444 km ² , dân cư sống rải rác, không tập trung, đường giao thông đi lại không thuận lợi và nằm cách xa các thôn liền kề (cách trung tâm xã 7,2 km), thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ, tỷ lệ hộ theo đạo chiếm tỷ lệ 32,35%/tổng số hộ dân toàn thôn, rất khó khăn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương và việc sinh hoạt, quản lý của tổ tự quản ở thôn	
34	Xã Sơn Hà											
1	Thôn Gò Dếp	1.095	303	X			X					
2	Thôn Lăng Dầu	1.547	408	X			X					
3	Thôn Hàng Gòn	1.639	394	X			X					
4	Thôn Lăng Bồ	931	244	X			X					
5	Thôn Lăng Mùng	1.526	398	X			X					
6	Thôn Tà Pa	1.114	305	X			X					
7	Thôn Lăng Vồ	928	248	X			X					
8	Thôn Bờ Reo	973	287	X			X					
9	Thôn Gò Răng	1.108	294	X			X					
10	Thôn Nước Tang	543	125	X				X			Thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cách các thôn liền kề trên 4km. Vào mùa mưa tuyến đường đến thôn có nhiều điểm có nguy cơ sạt lở.	
11	Thôn Nước Nía	786	197	X				X			Thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số; diện tích rộng; cách xa với các thôn liền kề trên 5km.	
35	Xã Sơn Thủy											
1	Thôn Lăng Lảnh	1146	345	X			X					
2	Thôn Lăng Rào	1903	461	X			X					
3	Thôn Tà Bì	1149	285	X			X					
4	Thôn Tà Corn	970	229	X			X					

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Thôn Giá Gỏi	375	93	X				X			Thôn Giá gỏi hiện có vị trí địa lý không thuận lợi do địa bàn vùng sâu, vùng xa, nằm tách biệt với các thôn còn lại (khoảng 15km), ngoài ra địa hình thôn còn bị chia cắt bởi dòng sông Xá Lỏ và chưa có cầu qua sông, giao thông đi lại khó khăn (Có Quyết định 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	
36	Xã Sơn Kỳ											
1	Thôn Nước Lác	1.269	295	X			X					
2	Thôn Bồ Nung	1.588	380	X			X					
3	Thôn Lăng Ranh	1.184	319	X			X					
4	Thôn Lăng Giã	813	204	X			X					
37	Xã Sơn Tây											
1	Thôn Tả Dô	1.496	374	X			X					
2	Thôn Huy Mãng	1.138	327	X			X					
3	Thôn Gò Lã	727	237	X			X					
4	Thôn Đăk Lang	912	323	X			X					
38	Xã Sơn Tây Thượng											
1	Thôn Huy Em	1381	343	X			X					
2	Thôn Nước Mìn	1022	248	X			X					
3	Thôn Mang Tà Bề	836	191	X				X			Thôn dân tộc thiểu số, miền núi, đặc biệt khó khăn, có địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán	
4	Thôn Tu La	679	158	X				X			Thôn dân tộc thiểu số, miền núi, đặc biệt khó khăn, có địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán	
5	Thôn Nước Vương	636	157	X				X			Thôn dân tộc thiểu số, miền núi, đặc biệt khó khăn, có địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán	
6	Thôn Đăk Doa	371	92	X				X			Thôn dân tộc thiểu số, miền núi, đặc biệt khó khăn, có địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán	
39	Xã Sơn Tây Hạ											
1	Thôn Xá Ruồng	892	225	X			X					
2	Thôn Mang Rẻ	512	132	X				X			Diện tích tự nhiên (16,42) quá lớn, vị trí địa lý các thôn lân cận quá xa (trên 5 km đường đèo dốc), địa hình phức tạp, nhiều đồi núi có độ dốc cao, hiểm trở và liên hoàn, thung lũng hẹp, thường xuyên sạt lở vào mùa mưa, phương tiện đi lại khó khăn (nhất là trong mùa mưa bão). Thôn thuộc địa bàn có yếu tố đặc thù (địa hình chia cắt, vùng sâu, giao thông khó khăn), do đó không thực hiện sắp xếp là phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.	
3	Thôn Tà Vinh	626	166	X				X			Vị trí địa lý cách các thôn lân cận có khoảng cách xa và qua đèo dốc cao (trên 7 km đường đèo dốc), địa hình phức tạp, nhiều đồi núi có độ dốc cao, hiểm trở và liên hoàn, thung lũng hẹp, thường xuyên sạt lở vào mùa mưa, phương tiện đi lại khó khăn (nhất là trong mùa mưa bão). Thôn thuộc địa bàn có yếu tố đặc thù (địa hình chia cắt, vùng sâu, giao thông khó khăn), dân cư sinh sống rải rác nhiều cụm nhỏ do đó không thực hiện sắp xếp là phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thò n (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/T DP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		Lý do không thực hiện sắp xếp (Vi các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Thôn Hà Lân	514	138	X				X			Vị trí địa lý các thôn lân cận có khoảng cách xa và qua đèo dốc cao (trên 6 km đường đèo dốc), địa hình phức tạp, nhiều đồi núi có độ dốc cao, hiểm trở và liên hoàn, thung lũng hẹp, thường xuyên sạt lở vào mùa mưa (cuối năm 2025 sạt lở 50m đường giao thông DH83 hiện vẫn còn đang khôi phục, phương tiện đi lại khó khăn (nhất là trong mùa mưa bão). Thôn thuộc địa bàn có yếu tố đặc thù (địa hình chia cắt, vùng sâu, giao thông khó khăn), do đó không thực hiện sắp xếp là phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.	
5	Thôn Nước Kia	676	192	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn vùng sâu, vùng xa và địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn; Đồng thời, trong năm 2019 thôn Xả Ruồng sáp nhập từ 2 thôn A Xin và Xã Ruồng và thôn Nước Kia được sáp nhập từ 02 thôn Nước Kia và Tà Kin nên có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn và nhiều đồi núi chia cắt (<i>Ng nghị Quyết số 15/2019/NQ-HĐND tỉnh Quảng Ngãi kèm theo</i>), do đó không thực hiện sắp xếp là phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.	
40	Xã Minh Long											
1	Thôn Làng Ren	340	93	X				X			UBND xã Minh Long đề xuất không sắp xếp. Lý do: Thôn Làng Ren là thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh. Bên cạnh đó khu vực của thôn lại ở cách nhau quá xa trên 10 km so với các thôn lân cận, nằm ở địa hình thung lũng, đi qua đường đèo dốc, núi cao, quanh co, gấp khúc khó đi và mùa mưa thường xuyên sạt lở núi gây cô lập. Bên cạnh đó, thôn Làng Ren là căn cứ cách mạng trong 02 cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Được công nhận Di tích lịch sử địa điểm thành lập đơn vị lực lượng vũ trang 299 của tỉnh Quảng Ngãi có ý nghĩa lịch sử quan trọng.	
2	Thôn Cà Xen	402	109	X				X			UBND xã Minh Long đề xuất không sắp xếp. Lý do: Thôn Cà Xen là thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh. Bên cạnh đó khu vực của thôn lại ở cách nhau quá xa trên 5 km so với các thôn lân cận, nằm ở địa hình thung lũng, đi qua đường đèo dốc, núi cao, quanh co, gấp khúc khó đi và mùa mưa thường xuyên sạt lở núi gây cô lập.	
41	Xã Sơn Mai											
1	Thôn Kỳ Hát	382	100	X				X			UBND xã Sơn Mai đề xuất không sắp xếp. Lý do: Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; giao thông đi lại khó khăn. Toàn bộ người dân trong thôn tập trung vào một nơi cách trung tâm xã khoảng 12 km, đường đi rất khó khăn, qua nhiều đồi núi cao, suối. Là thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	
2	Thôn Trung Thượng	947	275	X			X					
42	Xã Ba Vì											
1	Thôn Ba Lăng	963	230	X			X					
2	Thôn Ta Noát	935	225	X			X					
3	Thôn Krên	937	225	X			X					
4	Thôn Nước Xuyên	1.128	269	X			X					

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Thôn Nước Lầy	706	166	X				X			Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; đảm bảo điều kiện Công văn 4946/UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh (lấy 19 hộ sinh sống bên này sông của thôn Krên. Lúc đó số hộ tăng lên 185 hộ) .	
6	Thôn Krảy	635	165	X				X			Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; đảm bảo điều kiện Công văn 4946/UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh.	
7	Thôn Nước Tia	514	135	X				X			Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; đảm bảo điều kiện Công văn 4946/UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh (lấy khoảng 15 hộ tại Km 53 của thôn Mang Biều khi đó số hộ 150 hộ) .	
43	Xã Ba Tô (sắp xếp hết các thôn trên địa bàn)											
44	Xã Ba Đình											
1	Thôn Gò Khôn	601	162	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn vùng sâu, vùng xa hoặc địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn. Toàn bộ người dân trong thôn tập trung vào một nơi cách trung tâm xã khoảng 12 km, đường đi rất khó khăn, qua nhiều đồi núi cao, suối. (Có Quyết định công nhận xã đảo và xã An toàn khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	
2	Thôn Kà La	1.040	288	X			X					
3	Thôn Gò Ghềm	767	220	X			X					
4	Thôn Kách Lang	982	246	X			X					
5	Thôn Nước Lang	754	210	X			X					
6	Thôn Làng Măng	953	263	X			X					
45	Xã Ba Tơ											
1	Thôn Làng Mâm	382	111	X				X			Thôn Làng Mâm mặc dù có quy mô dân số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định (111 hộ so với yêu cầu từ 300 hộ trở lên), tuy nhiên không thực hiện sáp nhập do có các yếu tố đặc thù về điều kiện địa lý và giao thông. Đây là thôn vùng sâu, vùng xa, nằm tách biệt với các thôn khác, địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi, giao thông đi lại khó khăn, cách trung tâm xã khoảng 9 km đường bộ với nhiều đoạn dốc cao, quanh co. Đặc biệt, thôn nằm trên tuyến đường cắt, chỉ có duy nhất một tuyến đường ra vào, không thuận lợi cho việc kết nối với các khu vực lân cận. Thôn có ranh giới giáp với xã Đặng Thủy Trâm, tuy nhiên toàn bộ khu vực giáp ranh là núi rừng, không có điều kiện kết nối, giao lưu thuận tiện. Việc sáp nhập trong trường hợp này sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân. Do đó, căn cứ tiêu chí thôn có yếu tố đặc thù theo phụ lục kèm theo Công văn số 167/BNV-CQDP ngày 28/3/2026 của Bộ Nội vụ, việc giữ nguyên thôn Làng Mâm là phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.	
2	Thôn Đá Bàn	1567	417	X			X					
3	Thôn Kon Dung	1080	314	X			X					
46	Xã Ba Vinh (Sắp xếp hết các thôn trên địa bàn)											
47	Xã Ba Động (Sắp xếp hết các thôn trên địa bàn)											
48	Xã Đặng Thủy Trâm											

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thò n (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/T DP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Thôn Bùi Hui	605	171	X				X			Thôn Bùi Hui gồm có Tổ Làng Leo và Tổ Bùi Hui, tổng diện tích 55.90 km2, thôn có vị trí địa lý biệt lập, giao thông phức tạp, dân cư không tập trung, cách trung tâm và các thôn lân cận 14 km) Đặc biệt, thôn nằm trên tuyến đường cụt, chỉ có duy nhất một tuyến đường ra vào, không thuận lợi cho việc kết nối với các khu vực lân cận. Thôn có ranh giới giáp với xã Ba Tơ, Ba Động, Ba Tồ, tuy nhiên toàn bộ khu vực giáp ranh là núi rừng, không có điều kiện kết nối, giao lưu thuận tiện. Việc sáp nhập trong trường hợp này sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân. Do đó, căn cứ tiêu chí thôn có yếu tố đặc thù theo phụ lục kèm theo Công văn số 167/BNV-CQDP ngày 28/3/2026 của Bộ Nội vụ, việc giữ nguyên thôn Bùi Hui là phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. (Kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và điều chỉnh thông tin thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tên thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	
2	Thôn Cây Muối	401	113	X				X			Thôn Cây Muối gồm Tổ Sa Lung và Tổ Cây Muối; tổng diện tích 25,34 km2, tổ cách tổ 5km, đường xá giao thông chia cắt, chưa có đường bê tông, cách trung tâm xã 17km, dân cư thưa thớt, chưa có đường bê tông kết nối với thôn lân cận. Mùa mưa chia cắt với các thôn còn lại Đặc biệt, thôn nằm trên tuyến đường cụt, chỉ có duy nhất một tuyến đường ra vào, không thuận lợi cho việc kết nối với các khu vực lân cận. Thôn có ranh giới giáp với xã An Lão, tuy nhiên toàn bộ khu vực giáp ranh là núi rừng, không có điều kiện kết nối, giao lưu thuận tiện. Việc sáp nhập trong trường hợp này sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân. Do đó, căn cứ tiêu chí thôn có yếu tố đặc thù theo phụ lục kèm theo Công văn số 167/BNV-CQDP ngày 28/3/2026 của Bộ Nội vụ, việc giữ nguyên thôn Cây Muối là phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.(Kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và điều chỉnh thông tin thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tên thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	
3	Thôn Nước Đang	413	121	X				X			Thôn Nước Đang gồm tổ Đèo Ái, Đồng Lớn, Gò Đen; tổng diện tích 33,75km2, dân cư phân bố không đồng đều, đường sá đi lại khó khăn (chưa có đường bê tông), hai tổ chưa có điện...), tổ cách tổ 7km, Đặc biệt, thôn nằm trên tuyến đường cụt, chỉ có duy nhất một tuyến đường ra vào, không thuận lợi cho việc kết nối với các khu vực lân cận. Thôn có ranh giới giáp với Xã Khánh Cường, tuy nhiên toàn bộ khu vực giáp ranh là núi rừng, không có điều kiện kết nối, giao lưu thuận tiện. Việc sáp nhập trong trường hợp này sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân. Do đó, căn cứ tiêu chí thôn có yếu tố đặc thù theo phụ lục kèm theo Công văn số 167/BNV-CQDP ngày 28/3/2026 của Bộ Nội vụ, việc giữ nguyên thôn Nước Đang là phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. (Kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và điều chỉnh thông tin thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tên thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	
49	Xã Ba Xa											
1	Thôn Gòì Hê	1.029	267	X			X					
2	Thôn Mang Krá	1.105	274	X			X					
3	Thôn Nước Như	937	255	X			X					

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Thôn Nước Lãng	750	187	X				X			- Vị trí địa lý: không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi, sông suối; địa bàn vùng sâu, vùng xa; diện tích rộng, giao thông đi lại khó khăn. - Từ thôn đến trung tâm xã hơn 6km. - Mật độ dân cư thưa thớt, phân bố không đồng đều, bị chia cắt nhiều đồi núi, suối nhỏ; khó khăn trong việc đi lại, nhất là mùa mưa. - Điều kiện phát triển kinh tế chủ yếu là lâm- nông nghiệp (cây keo) và cây lúa nước; thu nhập chính của người dân chủ yếu làm thuê theo mùa vụ các vùng lân cận trong xã và ngoài tỉnh. - Về yếu tố văn hóa: Nhân dân Thôn Nước Lãng luôn giữ gìn, tôn tạo và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống, phong tục tập quán đã gắn chặt trong cuộc sống đời thường của đồng bào dân tộc Hre nơi đây.	
50	Đặc khu Lý Sơn (không sắp xếp)											
1	Thôn Đông An Vĩnh	7.231	1.721	X			X					
2	Thôn Tây An Vĩnh	6.974	1.708	X			X					
3	Thôn Đông An Hải	4.989	1.243	X			X					
4	Thôn Tây An Hải	4.419	1.084	X			X					
5	Thôn Đồng Hộ An Hải	519	116	X				X			Thôn thuộc hải đảo	
6	Thôn Bắc An Bình	561	137	X				X			Thôn thuộc hải đảo	
51	Xã Ngọc Bay											
1	Thôn Kon Rơ Bang 1	3.177	664	X			X					
2	Thôn Kon Rơ Bang 2	1.201	321	X			X					
3	Thôn Phương Quý 1	1.779	533	X			X					
4	Thôn Phương Quý 2	2.066	572	X			X					
5	Thôn Kon Hongo Kotu	1.992	432	X			X					
6	Thôn Trung Thành	1.830	567	X			X					
7	Thôn Kon Hongo Klah	1.391	402	X			X					
8	Thôn Kơ Năng	685	205	X			X					
9	Thôn Măng La	2.144	480	X			X					
10	Thôn Trung Nghĩa Đông	1.018	291	X			X					
11	Thôn Trung Nghĩa Tây	923	261	X			X					
12	Thôn 2	890	257	X			X					
13	Thôn Kroong Klah	1.627	307	X			X					
52	Xã Ia Chìm											
1	Thôn Plei Sar	1.432	412	X			X					
2	Thôn Plei Druân	725	200	X			X					
3	Thôn 5	1.623	440	X			X					
4	Thôn Lâm Tùng	1.102	299	X			X					
5	Thôn Đăk Kia	745	186	X				X			Lý do: Thôn Đăk Kia trước kia là Trại phong Đăk Kia, hình thành vào năm 1920, nơi nuôi dưỡng, chăm sóc những bệnh nhân phong người đồng bào thiểu số, hầu hết họ là con cháu bệnh nhân phong; khoảng cách giữa thôn với các thôn khác khoảng 4km. Do đó, việc sáp nhập với các thôn khác gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước, xây dựng thôn làng vững mạnh lâu dài.	
53	Xã Đăk Rơ Wa											
1	Thôn 2	1.770	468	X			X					
2	Thôn 4	1.585	424	X			X					
3	Thôn Kon Klor	1.409	327	X			X					

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Thôn Kon Mơ Nay Kơ	1.214	317	X			X					
5	Thôn Kon Mơ Nay Kơ	914	253	X			X					
6	Thôn Kon Jri Xút	901	209	X			X					
7	Thôn Kon Hring	940	224	X			X					
8	Thôn Kon Rơ Lang	1.395	307	X			X					
9	Thôn Kon Drei	1.430	227	X			X					
54	Xã Đăk Pxi (không sắp xếp)											
1	Thôn Kon Teo Đăk Lấp	1.520	270	X			X					
2	Thôn Kon Đào Yôp	1.199	192	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình đồi núi phức tạp; Thôn thuộc vùng DTTS & MN, địa bàn thôn thuộc diện vùng sâu, vùng xa thuộc diện thôn đặc biệt khó khăn. Khu dân cư nằm biệt lập phía bên kia dòng sông Đăk Pxi chảy ngang qua địa bàn xã Đăk Pxi và được kết nối với giao thông với trung tâm hành chính xã thông qua các hệ thống cầu treo. Từ điểm thôn đến Trung tâm hành chính xã có khoảng cách tầm 10 km.	
3	Thôn Đăk Rơ Wang	736	171	X				X			Thôn được hình thành trên cơ sở sáp nhập từ 02 thôn gồm thôn Đăk Rơ Wang và thôn Kon Pao Kram theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND, ngày 30/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ), hiện vẫn còn có phong tục tập quán, sinh hoạt cộng đồng khu dân cư riêng biệt	
4	Thôn Tua Team	668	135	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình đồi núi phức tạp; Thôn thuộc vùng DTTS & MN, địa bàn thôn thuộc diện vùng sâu, vùng xa, thuộc diện thôn đặc biệt khó khăn . Dân cư nằm rải rác, không tập trung.	
5	Thôn Pa Cheng	1.125	192	X				X			Thôn được hình thành trên cơ sở Dự án di dân tái định cư do UBND huyện Đăk Hà, Kon Tum (cũ) làm chủ đầu tư. Hiện nay số hộ dân từ nơi khác đến địa bàn thôn để ở ổn định vẫn chưa đảm bảo theo mục tiêu của dự án. Tình hình sinh hoạt, sản xuất và phong tục tập quán của các hộ dân thuộc diện di dân tái định cư trên địa bàn thôn vẫn chưa thực sự hòa nhập với các thôn khác trên địa bàn xã.	
6	Thôn Đăk Xế Kơ Ne	798	142	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình đồi núi phức tạp; Thôn thuộc vùng DTTS & MN, địa bàn thôn thuộc diện vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn. Dân cư nằm rải rác, không tập trung	
7	Thôn Đăk Wek	1.312	246	X			X					
8	Thôn Đăk Kơ Dương	1.133	218	X			X					
9	Thôn Kon Pao Kơ La	1.420	248	X			X					
10	Thôn Krong Duẩn	1.472	255	X			X					
55	Xã Đăk Mar											
1	Thôn Đăk Kang Yôp	719	133	X				X			Thôn này tách biệt với các thôn còn lại bởi diện tích đất sản xuất với chiều dài 7km nên không thể sáp nhập với thôn liền kề; Thôn này là thôn có 100% người dân tộc thiểu số và miền núi. Có yếu tố đặc thù	
2	Thôn Kon Kơ Lôk	1.008	148	X				X			Thôn Kon Kơ Lôk là thôn có 100% đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời, gần bờ với địa bàn và vẫn duy trì các phong tục, tập quán truyền thống đặc thù. Thôn có diện tích rộng, địa bàn phân tán, mang bản sắc văn hóa riêng của cộng đồng dân tộc thiểu số, vì vậy đề nghị giữ nguyên thôn để đảm bảo ổn định đời sống nhân dân, giữ gìn bản sắc văn hóa và thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn." thôn có yếu tố đặc thù	
3	Thôn Tân Lập A	1.795	464	X			X					

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
56	Xã Đắk Ui (Sắp xếp hết các thôn trên địa bàn)											
57	Xã Ngọc Ráo											
1	Thôn Kon Kon Bơ Băn	1.717	276	X			X					
2	Thôn Đắk Tềng	859	213	X			X					
3	Thôn Kon Stiêu II	1.010	234	X			X					
4	Thôn Kon Gu I	1.526	223	X			X					
5	Thôn Kon Gu II	512	103	X				X			Lý do: Là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh. Mặt khác, thôn có vị trí cách xa trung tâm xã, địa hình đồi núi, điều kiện đi lại còn khó khăn, nhất là vào mùa mưa; nếu thực hiện sắp nhập sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý địa bàn, tổ chức sinh hoạt cộng đồng và việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở.	
58	Xã Đắk Hà											
1	Thôn Đắk La 1	1622	402	X			X					
2	Thôn Đắk Hà 3	2175	507	X			X					
3	Thôn Long Loi	792	142	X				X			Thôn Long Loi có yếu tố đặc thù: Là thôn dân tộc thiểu số, có vị trí địa lý và văn hóa khác biệt so với các thôn liền kề	
59	Xã Ngọc Tú											
1	Thôn Đắk Tăng	432	104	X				X			Thôn hình thành do việc di dân (sau bão năm 2009, người dân từ xã Đắk Na, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum cũ di dân về); thôn nằm biệt lập, cách xa trung tâm hành chính xã.	
60	Xã Đắk Tô											
1	Thôn Đắk Kang Pêng	1.684	258	X			X					
2	Thôn Kon Tu Peng	1.421	306	X			X					
3	Thôn Đắk Tô 2	1.553	459	X			X					
4	Thôn Đắk Tô 3	1.072	332	X			X					
5	Thôn Đắk Tô 4	1.482	421	X			X					
6	Thôn Đắk Tô 5	2.291	601	X			X					
7	Thôn Đắk Tô 6	2.038	591	X			X					
8	Thôn Đắk Tô 8	1.940	513	X			X					
9	Thôn Đắk Tô 9	1.384	395	X			X					
10	Thôn Diên Bình 2	1.052	307	X			X					
11	Thôn Diên Bình 4	1.206	333	X			X					
12	Thôn Kon Hring	2.564	445	X			X					
13	Thôn Diên Bình 8	1.095	303	X			X					
14	Thôn Tân Cảnh 5	1.159	330	X			X					
61	Xã Kon Đào											
1	Thôn 6 (dự kiến đổi thành Thôn Kon Đào 1)	783	218	X			X					
2	Thôn Đắk Xanh	1018	167	X				X			Rương, 02 thôn vốn có sự khác biệt lớn về văn hóa, tư tưởng (Thôn Đắk Xanh phân	
3	Thôn Măng Rương	680	189	X				X			lớn người dân theo đạo Thiên chúa, Thôn Măng Rương lại là vùng đất có truyền	
62	Xã Đắk Sao (Sắp xếp hết các thôn trên địa bàn)											

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vi các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
63	Xã Đăk Tô Kan (Sắp xếp hết các thôn trên địa bàn)											
64	Xã Tu Mơ Rông											
1	Thôn Đăk Hà	359	69	X				X			Địa bàn vùng sâu, vùng xa hoặc địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn. Toàn bộ người dân trong thôn tập trung vào một nơi cách trung tâm xã khoảng 10 km, đường đi rất khó khăn, qua nhiều đồi núi cao, suối. Quyết định Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	
2	Thôn Kon Pia	1374	200	X			X					
65	Xã Măng Ri											
1	Thôn Pu Tá	274	67	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh "Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên"	
2	Thôn Chum Tam	213	75	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh "Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên"	
3	Thôn Đăk Viên	414	106	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh "Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên"	
4	Thôn Tu Thó	564	171	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh "Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên"	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Thôn Tân Ba	445	124	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
6	Thôn Đăk Song	325	94	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
7	Thôn Lộc Bông	285	91	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
8	Thôn Mỏ Za	150	79	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
9	Thôn Đăk Prế	236	68	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh. " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
10	Thôn Đăk Kinh 1	271	83	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
11	Thôn Đăk Xia	255	74	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh." <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
12	Thôn Đăk Văn 2	239	61	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
13	Thôn Ba Tu 2	237	68	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
14	Ngọc Đo	224	71	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15	Long Láy 1	191	63	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh. " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
16	Thôn Long Láy 2	284	86	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh. " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
17	Thôn Tam Rin	401	119	X				X			Giữ nguyên: Thôn có yếu tố đặc thù theo gạch đầu dòng thứ 2, khoản 1, công văn số 4946/UBND-NC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh. " <i>Thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô thôn có từ 60 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên</i> "	
66	Xã Bờ Y											
1	Tổ dân phố 5	2.189	670	X		X						
2	Thôn 4	2.404	506	X			X					
3	Thôn 5	2.070	622	X			X					
4	Thôn Thung Nai	547	196	X				X			Thôn ở địa bàn biên giới	
5	Thôn Bắc Phong	1.424	384	X			X					
6	Thôn Măng Tôn	2.303	675	X			X					
7	Thôn Lặc	1.478	353	X			X					
67	Xã Sa Loong											
1	Hào Phú	1060	310	X			X					
2	Thôn Tân Bình	1136	307	X			X					
3	Thôn Đắk Vang	1251	366	X			X					
4	Thôn Giang Lô 1	1741	366	X			X					
5	Thôn Giang Lô 2	1105	304	X			X					
6	Thôn Bun Ngai	794	229	X			X					
7	Thôn Cao Sơn	1171	308	X			X					

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	Thôn Hào Lý	601	149	X				X			Thôn hình thành do việc di dân kinh tế mới theo chủ trương của Đảng, Nhà nước; có tính đặc thù cao về văn hóa – dân tộc, với thành phần dân cư chủ yếu là đồng bào dân tộc Mường. Cộng đồng dân cư tại thôn đã xây dựng và duy trì ổn định hệ thống phong tục, tập quán, tín ngưỡng truyền thống, tạo nên bản sắc văn hóa riêng biệt, có tính liên kết cộng đồng chặt chẽ, thôn khác biệt văn hóa rõ nét so với các thôn liên kề. Bên cạnh đó, theo định hướng phát triển đã được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, thôn Hào Lý được định hướng là khu vực có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường.	
68	Xã Dục Nông											
1	Thôn Chà Nhảy	812	217	X			X					
2	Thôn Đăk Si	1.168	295	X			X					
3	Thôn Nông Nội	768	261	X			X					
69	Xã Xốp											
1	Kon Riêng	474	125	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn vùng sâu, vùng xa, thôn đặc biệt khó khăn bản rộng, giao thông đi lại khó khăn. Toàn bộ người dân trong thôn tập trung vào một nơi cách trung tâm xã khoảng 17km, đường đi rất khó khăn, qua nhiều đồi núi cao, suối. (Có Quyết định công nhận xã đảo và xã An toàn khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	
2	Đăk Lây	1.031	220	X			X					
70	Xã Ngọc Linh											
1	Thôn Kon Tuông	296	80	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn, giao thông đi lại khó khăn.	
2	Thôn Đăk Nai	226	60	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn, giao thông đi lại khó khăn, khoảng cách đến trung tâm xã trên 6km.	
3	Thôn Lê Ngọc	305	60	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi dân cư sinh sống phân tán	
4	Thôn Lê Toan	303	83	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn, giao thông đi lại khó khăn.	
5	Thôn Ngọc Nang	462	112	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn, giao thông đi lại khó khăn.	
6	Thôn Đăk Bói	282	74	X				X			Nằm biệt lập, địa hình bị chia cắt giao thông không thuận lợi, khoảng cách đến trung tâm xã trên 8km	
7	Thôn Tu Răng	274	71	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn, giao thông đi lại khó khăn.	
8	Thôn Ngọc Lăng	613	170	X				X			Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn, giao thông đi lại khó khăn.	
71	Xã Đăk Plô											
1	Thôn Đông Lốc	485	141	X				X			Thôn thuộc địa bàn biên giới	
2	Thôn Đông Nay	297	89	X				X			Thôn thuộc địa bàn biên giới	
3	Thôn Măng Khên	618	173	X				X			Thôn thuộc địa bàn biên giới	
4	Thôn Pênh Lang	373	107	X				X			Thôn thuộc địa bàn biên giới	
5	Thôn Đăk Book	520	141	X				X			Thôn thuộc địa bàn biên giới	
6	Thôn Đăk Nhoong	691	209	X			X					
7	Thôn Đăk Ưng	537	165	X				X			Thôn thuộc địa bàn biên giới	

[illegible]

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Thôn 4	270	93	X				X			Các thôn ở địa bàn vùng biên giới; Các thôn trên địa bàn xã có khoảng cách giữa trung tâm các thôn rất xa; địa bàn các thôn có diện tích rất rộng. Dân cư phân bố phân tán, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống rải rác theo các nông trường, đội sản xuất cao su; địa hình chủ yếu là đồi núi, giao thông đi lại còn khó khăn. Hệ thống đường giao thông liên thôn tuy từng bước được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, gây khó khăn cho việc đi lại, tổ chức họp dân, triển khai nhiệm vụ và công tác quản lý địa bàn. Một số khu vực còn gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin, dịch vụ công và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Việc sắp xếp, sáp nhập các thôn sẽ làm tăng quy mô quản lý, kéo dài khoảng cách địa lý, gây khó khăn cho Nhân dân trong đi lại, sinh hoạt cộng đồng và tiếp cận dịch vụ công; đồng thời, công tác quản lý địa bàn và giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới dự kiến sẽ có nhiều ảnh hưởng.	
2	Thôn Ia Dom	632	162	X				X			Các thôn ở địa bàn vùng biên giới; Các thôn trên địa bàn xã có khoảng cách giữa trung tâm các thôn rất xa; địa bàn các thôn có diện tích rất rộng. Dân cư phân bố phân tán, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống rải rác theo các nông trường, đội sản xuất cao su; địa hình chủ yếu là đồi núi, giao thông đi lại còn khó khăn. Hệ thống đường giao thông liên thôn tuy từng bước được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, gây khó khăn cho việc đi lại, tổ chức họp dân, triển khai nhiệm vụ và công tác quản lý địa bàn. Một số khu vực còn gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin, dịch vụ công và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Việc sắp xếp, sáp nhập các thôn sẽ làm tăng quy mô quản lý, kéo dài khoảng cách địa lý, gây khó khăn cho Nhân dân trong đi lại, sinh hoạt cộng đồng và tiếp cận dịch vụ công; đồng thời, công tác quản lý địa bàn và giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới dự kiến sẽ có nhiều ảnh hưởng.	
3	Thôn 3	582	175	X				X			Các thôn ở địa bàn vùng biên giới; Các thôn trên địa bàn xã có khoảng cách giữa trung tâm các thôn rất xa; địa bàn các thôn có diện tích rất rộng. Dân cư phân bố phân tán, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống rải rác theo các nông trường, đội sản xuất cao su; địa hình chủ yếu là đồi núi, giao thông đi lại còn khó khăn. Hệ thống đường giao thông liên thôn tuy từng bước được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, gây khó khăn cho việc đi lại, tổ chức họp dân, triển khai nhiệm vụ và công tác quản lý địa bàn. Một số khu vực còn gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin, dịch vụ công và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Việc sắp xếp, sáp nhập các thôn sẽ làm tăng quy mô quản lý, kéo dài khoảng cách địa lý, gây khó khăn cho Nhân dân trong đi lại, sinh hoạt cộng đồng và tiếp cận dịch vụ công; đồng thời, công tác quản lý địa bàn và giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới dự kiến sẽ có nhiều ảnh hưởng.	
4	Thôn Ia Muong	396	108	X				X			Các thôn ở địa bàn vùng biên giới; Các thôn trên địa bàn xã có khoảng cách giữa trung tâm các thôn rất xa; địa bàn các thôn có diện tích rất rộng. Dân cư phân bố phân tán, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống rải rác theo các nông trường, đội sản xuất cao su; địa hình chủ yếu là đồi núi, giao thông đi lại còn khó khăn. Hệ thống đường giao thông liên thôn tuy từng bước được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, gây khó khăn cho việc đi lại, tổ chức họp dân, triển khai nhiệm vụ và công tác quản lý địa bàn. Một số khu vực còn gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin, dịch vụ công và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Việc sắp xếp, sáp nhập các thôn sẽ làm tăng quy mô quản lý, kéo dài khoảng cách địa lý, gây khó khăn cho Nhân dân trong đi lại, sinh hoạt cộng đồng và tiếp cận dịch vụ công; đồng thời, công tác quản lý địa bàn và giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới dự kiến sẽ có nhiều ảnh hưởng.	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Thôn Trắng Nỏ - Kon Blo	453	120	X				X			Thôn Trắng Nỏ - Kon Blo không đạt tiêu chí quy mô hộ gia đình tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP. Tuy nhiên thôn Trắng Nỏ - Kon Blo bản chất là 02 thôn của xã Đăk Kôi trước năm 2019. Thực hiện NQ số 66/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) đã sát nhập thôn Trắng Nỏ và thôn Kon Blo thành thôn Trắng Nỏ - Kon Blo ngày nay. Về vị trí địa lý của thôn, có hơn 80 hộ dân sinh sống biệt lập bên dòng sông Đak A Kôi, muốn qua với hơn 80 hộ dân này phải đi qua cầu treo, khá hiểm trở, dân cư sống không tập trung, phân tán bên dòng sông Đak A Kôi, còn lại còn khoảng hơn 30 hộ dân sống tập trung dọc theo tỉnh lộ 677. Với địa hình chia cắt phức tạp, giồng thông đi lại khó khăn, dân cư sống phân tán, cơ bản số đông dân cư của thôn sống biệt lập bên dòng sông Đăk A Kôi. Mặc dù khó khăn như vậy nhưng bà con Nhân dân có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, con em học sinh cũng đã nỗ lực đến trường và có cùng phong tục tập quán. Với những lý do trên, việc không sát nhập thôn Trắng Nỏ - Kon Blo với các thôn khác là cần thiết./.	
79	Xã Kon Braih											
1	Thôn Đak Puih	1.538	286	X			X					
2	Thôn Đak O Nglăng	1.500	255	X			X					
80	Xã Đăk Rve											
1	Thôn 1	877	261	X			X					Dự kiến đổi tên thôn Đăk Rve
2	Thôn 4	872	258	X			X					Dự kiến đổi tên thôn Ngọc Tem 2
3	Thôn 7	880	231	X			X					Dự kiến đổi tên thôn Kon Vang
4	Thôn 9	755	217	X			X					Dự kiến đổi tên thôn Plê Ngọc
5	Thôn 5	1.135	317	X			X					Dự kiến đổi tên thôn Kon Cheo Leo

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Thôn Kon Túc	797	182	X				X			Thực hiện theo Công văn số 4946/UBND-NC ngày 29/5/2026 về việc hướng dẫn tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù: "...có yếu tố đặc thù không đạt tiêu chí quy mô số và không thể thực hiện sắp xếp do khoảng cách, vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, văn hóa, tôn giáo ...". Mặc dù thôn Kon Túc không đảm bảo tiêu chí dân số. Tuy nhiên thôn Kon Túc là thôn có đồng đồng bào DTTS, thuộc vùng sâu, vùng xa, miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, địa hình đồi núi, mang tính chất biệt lập; bên cạnh đó thôn Kon Túc địa bàn rộng, diện tích tự nhiên lớn, dân cư sống rải rác, phân tán, không tập trung nên công tác quản lý địa bàn gặp nhiều khó khăn, bắt cấp, nhất là công tác vận động nhân dân, tổ chức hội họp thôn để triển khai các công việc liên quan đến thôn.	Dự kiến đổi tên thôn Kon Túc
7	Thôn Kon Gộp	655	166	X				X			Thực hiện theo Công văn số 4946/UBND-NC ngày 29/5/2026 về việc hướng dẫn tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù: "...có yếu tố đặc thù không đạt tiêu chí quy mô số và không thể thực hiện sắp xếp do khoảng cách, vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, văn hóa, tôn giáo ...". Mặc dù thôn Kon Gộp không đảm bảo tiêu chí dân số. Tuy nhiên thôn Kon Gộp là thôn có đồng đồng bào DTTS, thuộc vùng sâu, vùng xa, miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, địa hình đồi núi, mang tính chất biệt lập; bên cạnh đó thôn Kon Gộp địa bàn rộng, diện tích tự nhiên lớn, dân cư sống rải rác, phân tán, không tập trung nên công tác quản lý địa bàn gặp nhiều khó khăn, bắt cấp, nhất là công tác vận động nhân dân, tổ chức hội họp thôn để triển khai các công việc liên quan đến thôn.	Dự kiến đổi tên thôn Kon Gộp
81	Xã Măng Đen											
1	Thôn Măng Đen	923	305	X			X					
2	Thôn Đắk Ke	768	300	X			X					
3	Thôn Kon Plông	991	324	X			X					
4	Thôn Kon Vong Kia	538	147	X				X			Thôn Kon Vong Kia là thôn đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt. Cách thôn gần nhất 3 Km, việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn.	
5	Thôn Kon Leang	476	131	X				X			Thôn Kon Leang là thôn đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt. Cách thôn gần nhất 5 Km, việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn.	
6	Thôn Kon Xuh	419	109	X				X			Thôn Kon Xuh là thôn đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt. Cách thôn gần nhất 10 Km, việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn.	
7	Thôn Rô Xia	407	124	X				X			Thôn Rô Xia là thôn đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt. Cách thôn gần nhất 5 Km, việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn.	
8	Thôn Kon Tu Răng	453	131	X				X			Thôn Kon Tu Răng thuộc thôn miền núi và dân tộc thiểu số. Đồng thời, thôn Kon Tu Răng cách thôn gần nhất 10 Km nếu thực hiện sáp nhập sẽ gây khó khăn cho việc quản lý, tổ chức họp ở thôn. Dự kiến ghép 14 hộ (39 khẩu) khu 37 hộ của thôn Đắk Ke vào thôn Kon Tu Răng vì các hộ này nằm gần thôn Kon Tu Răng. Tổng số hộ thôn Kon Tu Răng sau khi ghép là 145 (492 khẩu)	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
9	Thôn Vi Rơ Ngheo	231	62	X				X			Thôn Vi Rơ Ngheo là thôn đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt. Có đời sống văn hóa không tương đồng so với các thôn liền kề.	
10	Thôn Đăk Pờ Rồ	288	84	X				X			Thôn Đăk Pờ Rồ là thôn đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt. Có đời sống văn hóa không tương đồng so với các thôn liền kề.	
82	Xã Măng Bút											
1	Thôn Măng Búk	681	206	X			X					
2	Thôn Đăk Lanh	437	121	X				X			Hiện tại, thôn có 121 hộ, 437 nhân khẩu; là thôn có địa bàn rộng, dân cư phân bố không tập trung, chia thành nhiều cụm dân cư nhỏ. Khoảng cách từ thôn Đăk Lanh đến các thôn lân cận không thuận lợi để tổ chức sáp nhập, cách thôn Đăk Chun hơn 3 km, cách thôn Đăk Đất đến 4,5 km, thôn có nhiều sông suối, mùa mưa chia cắt cục bộ, thôn có nhiều điểm để phát triển để giãn dân trong thời gian đến.	
3	Thôn Đăk Y Pai	236	67	X				X			Hiện nay thôn có 67 hộ, với 236 nhân khẩu, thôn nằm biệt lập tại quá đồi sâu, giao thông đi lại với thôn Đăk Pong rất khó khăn, khoảng cách đến 7,2 Km. Có nhiều sông suối, chia cắt cục bộ vào mùa mưa không đảm bảo sáp nhập có hiệu quả.	
4	Thôn Đăk Pong	336	95	X				X			Hiện nay thôn có 95 hộ, với 336 nhân khẩu, thôn nằm biệt lập tại quá đồi sâu, giao thông đi lại với thôn Đăk Y Pai và Đăk Niêng liền kề rất khó khăn, khoảng cách đến 7,2 Km. Giao thông đi lại rất khó khăn. Thôn có nhiều sông suối, chia cắt cục bộ vào mùa mưa không đảm bảo sáp nhập có hiệu quả. Thôn có 3 làng nằm cách biệt 3 điểm cách xa nhau từ 2,3 đến 3 km. Không thuận lợi để sáp nhập có hiệu quả	
5	Thôn Đăk Chờ	329	93	X				X			Thôn Đăk Chờ được thành lập trên cơ sở sáp nhập thôn Đăk Chờ và thôn Ngọc Hoàng theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum cũ. Hiện tại, thôn có 93 hộ, 329 nhân khẩu; là thôn có địa bàn rộng, dân cư phân bố không tập trung, chia thành nhiều cụm dân cư nhỏ. Các thôn lân cận dự kiến sáp nhập với các thôn khác. Khoảng cách từ thôn Đăk Chờ đến các thôn lân cận không thuận lợi để tổ chức sáp nhập khoảng cách đến thôn Ngọc Rìng là 12,6 Km, Thôn Vác Y Nhông là 13 Km. Không thuận lợi để sáp nhập.	
6	Thôn Đăk Da	399	115	X				X			Thôn Đăk Da hiện có 115 hộ, 399 nhân khẩu; thôn có địa bàn rộng, dân cư phân bố rải rác, chia thành nhiều cụm dân cư nhỏ cách xa nhau (khoảng 7 km); địa hình đồi núi, bị chia cắt bởi suối; Khoảng cách từ các cụm dân cư thôn Đăk Da xa các thôn lân cận, vào mùa mưa thường xảy ra chia cắt cục bộ ảnh hưởng đến việc đi lại và sinh hoạt, không đảm bảo điều kiện tổ chức sáp nhập hiệu quả.	
83	Xã Kon Plông											
1	Kon Plông	518	138	X				X			Thôn Kon Plông là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi; có địa bàn rộng, diện tích tự nhiên lớn, dân cư phân bố không tập trung, chia thành nhiều cụm dân cư nhỏ. Thôn nằm riêng trên một nhánh đường, khoảng cách từ thôn đến các thôn lân cận hơn 3 km, không thuận lợi để tổ chức sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/T DP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Vi Glong	479	148	X				X			Thôn Vi Glong là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, dân cư phân bố không tập trung, chia thành 03 cụm dân cư nhỏ. Diện tích tự nhiên lớn, địa bàn rộng. Thôn nằm riêng trên một nhánh, khoảng cách từ thôn đến các thôn lân cận hơn 3 km, không thuận lợi để tổ chức sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
3	Đăk Xô	142	77	X				X			Thôn Đăk Xô là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, địa hình đồi núi, thường xuyên sạt lở, đi lại khó khăn vào mùa mưa. Khoảng cách từ thôn đến các thôn lân cận khoảng hơn 4 km, không thuận lợi để tổ chức sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
4	Kon Plinh	543	167	X				X			Thôn Kon Plinh là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, thôn có địa hình bị chia cắt bởi suối lớn, thường xuyên ngập lụt, giao thông đi lại khó khăn vào mùa mưa, có vị trí tương đối biệt lập so với các thôn khác. Diện tích tự nhiên lớn, địa bàn rộng. Khoảng cách từ thôn đến trụ sở xã tương đối xa (hơn 15km), cách thôn gần nhất hơn 7 km, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
5	Kon Klùng	429	124	X				X			Thôn Kon Klùng là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, dân cư tập trung biệt lập và cách xa với những thôn lân cận hơn 3 km, cách trung tâm xã hơn 15km, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
6	Vi Ktau	399	113	X				X			Thôn Vi K Tàu là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, dân cư phân bố không tập trung. Diện tích tự nhiên lớn, địa bàn rộng. Khoảng cách từ thôn đến thôn gần nhất hơn 3km, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		Lý do không thực hiện sắp xếp (Vi các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Vi Pờ Ê	589	162	X				X			Thôn Vi Pờ Ê là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, thôn có địa bàn rộng, dân cư phân bố không tập trung, địa hình đồi núi, giao thông đi lại gặp khó khăn vào mùa mưa. Diện tích tự nhiên lớn, địa bàn rộng. Khoảng cách từ thôn đến thôn gần nhất hơn 4 km, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
8	Vi K Oa	287	83	X				X			Thôn Vi K Oa là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, địa hình đồi núi, dân cư thưa thớt, địa bàn rộng, diện tích tự nhiên lớn, cách trung tâm xã hơn 12 km, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
9	Vi Ô Lăk	329	88	X				X			Thôn Vi Ô Lăk là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, có bản sắc riêng, định hướng phát triển du lịch cộng đồng; địa hình đồi núi, giao thông đi lại gặp khó khăn vào mùa mưa, địa bàn rộng, diện tích tự nhiên lon, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và phát triển du lịch. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
10	Điêk Lò	626	165	X				X			Thôn Điek Lò là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, dân cư phân bố không tập trung, nằm dọc theo Đường Trường Sơn đồng, địa hình đồi núi. Diện tích tự nhiên lớn, địa bàn rộng. Khoảng cách từ thôn đến thôn gần nhất hơn 3 km, cách trung tâm xã hơn 30km, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
11	Điêk Tem	623	167	X				X			Thôn Điek Tem là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, thôn có địa bàn rộng, diện tích tự nhiên lớn, dân cư phân bố không tập trung, chia thành 7 nhóm, địa hình đồi núi. Khoảng cách từ thôn đến thôn gần nhất hơn 3 km, cách trung tâm xã hơn 30km không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		Lý do không thực hiện sắp xếp (Vi các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12	Măng Kri	287	79	X				X			Thôn Măng Kri là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, thôn có địa bàn rộng, diện tích tự nhiên lớn, dân cư phân bố không tập trung. Khoảng cách từ thôn đến thôn gần nhất hơn 4 km, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
13	Điek Chè	234	62	X				X			Thôn Điek Chè là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, dân cư phân bố không tập trung, diện tích tự nhiên, địa bàn rộng, bị chia cắt bởi suối. Khoảng cách từ thôn đến thôn gần nhất hơn 3 km, cách trung tâm xã hơn 30km, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
14	Điek Nót A	564	142	X				X			Thôn Điek Nót A là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, thôn có địa bàn rộng, diện tích tự nhiên lớn, dân cư phân bố không tập trung, chia thành các cụm nhỏ, địa hình đồi núi, có suối chia cắt. Khoảng cách từ thôn đến trung tâm xã hơn 30km, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
15	Điek Kua	262	67	X				X			Thôn Điek Kua là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, dân cư phân bố không tập trung, chia thành 3 cụm nhỏ, địa hình đồi núi, dốc, thường xuyên sạt lở vào mùa mưa. Diện tích tự nhiên rộng, địa bàn lớn. Khoảng cách từ thôn đến thôn gần nhất hơn 2 km, cách trung tâm xã hơn 40km, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
16	Kíp Plinh	264	62	X				X			Thôn Kíp Plinh là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, địa hình đồi núi, dốc cao. Khoảng cách từ thôn đến trung tâm xã gần 60 km, là thôn thuộc khu vực 3, xã Ngok Tem (cũ), có nét văn hóa riêng, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
17	Điek Tả Âu	299	80	X				X			Thôn Điek Tả Âu là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, thôn có địa bàn rộng, dân cư phân bố không tập trung, chia thành các cụm dân cư nhỏ, địa hình đồi núi, chia cắt bởi các con suối nhỏ, khó khăn trong việc đi lại vào mùa mưa, hay bị sạt lở; là thôn xa nhất khoảng cách từ thôn đến trung tâm xã hơn 60 km, là thôn thuộc khu vực 3, xã Ngok Tem (cũ), có nét văn hóa riêng, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
18	Điek Pét	277	65	X				X			Thôn Điek Pét là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, là thôn nằm giữa 3 thôn (Kíp Linh, Măng Nách và Điek Tả Âu); thôn có địa bàn rộng, diện tích tự nhiên lớn, dân cư phân bố không tập trung, địa hình đồi núi, khó khăn trong việc đi lại vào mùa mưa, hay bị sạt lở. Khoảng cách từ thôn đến trung tâm xã gần 60 km, là thôn thuộc khu vực 3, xã Ngok Tem (cũ), có nét văn hóa riêng, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
19	Măng Nách	245	67	X				X			Thôn Măng Nách là thôn thuộc vùng DTTS và miền núi, là thôn đặc biệt khó khăn, thôn có địa bàn rộng, địa hình đồi núi, chia cắt bởi các con suối nhỏ, giáp với các thôn Đăk La, Đăk Ang (Đăk Ríng cũ). Khoảng cách từ thôn đến trung tâm xã hơn 60 km, là thôn thuộc khu vực 3, xã Ngok Tem (cũ), có nét văn hóa riêng, không phù hợp để sáp nhập. Việc sáp nhập gây khó khăn trong việc quản lý và tổ chức hội họp thôn. QĐ số 25/QĐ-UBND, ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt danh sách các thôn vùng ĐB DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
84	Xã Đăk Long (không sắp xếp)											
1	Măng Tách	389	73	X				X			Đảm bảo tiêu chuẩn theo điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và điểm 1 Công văn số 4946/UBND-NC ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh (thôn ở địa bàn biên giới từ 60 hộ trở lên). Thôn ở địa bàn biên giới, giao thông đi lại khó khăn; người dân thường xuyên sinh sống, canh tác, làm nương rẫy gần khu vực vành đai biên giới	
2	Đăk Xây	662	141	X				X			Đảm bảo tiêu chuẩn theo điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và điểm 1 Công văn số 4946/UBND-NC ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh (thôn ở địa bàn biên giới từ 60 hộ trở lên). Thôn ở địa bàn biên giới, giao thông đi lại khó khăn; người dân thường xuyên sinh sống, canh tác, làm nương rẫy gần khu vực vành đai biên giới	
3	Pêng Blong	894	225	X			X					
4	Dục Lang	758	205	X			X					
5	Đăk Tu	1.270	279	X			X					

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:							Ghi chú
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác	Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Vai Trang	504	148	X				X			Đảm bảo tiêu chuẩn theo điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và điểm 1 Công văn số 4946/UBND-NC ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh (thôn ở địa bàn biên giới từ 60 hộ trở lên). Thôn ở địa bàn biên giới, giao thông đi lại khó khăn; người dân thường xuyên canh tác, làm nương rẫy gần khu vực vành đai biên giới, khoảng cách các thôn liền kề cách xa nhau (cách khu dân cư thôn Đắk Tu 2km; cách khu dân cư thôn Đắk Ák 3km)	
7	Đắk Ák	1.426	319	X			X					
8	Đắk Ôn	879	202	X			X					
9	Long Yên	314	81	X				X			Đảm bảo tiêu chuẩn theo điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và điểm 1 Công văn số 4946/UBND-NC ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh (thôn ở địa bàn biên giới từ 60 hộ trở lên). Thôn ở địa bàn biên giới, giao thông đi lại khó khăn; người dân thường xuyên canh tác, làm nương rẫy gần khu vực vành đai biên giới; Thôn được hình thành từ các hộ dân từ tỉnh Hưng Yên (cũ) di dân kinh tế mới theo Công văn số 57/CV-KT ngày 07/5/2003 của Chi Cục định canh định cư và vùng Kinh tế mới tỉnh Kon Tum (cũ); Phong tục, tập quán, đời sống văn hóa có sự khác biệt với các thôn trên địa bàn xã	
85	Xã Rờ Kơi (không sắp xếp)											
1	Thôn Khok Klong	1234	332	X			X					
2	Thôn Gia Xiêng	1166	312	X			X					
3	Thôn Kram	1374	368	X			X					
4	Thôn Rờ Kơi	1003	302	X			X					
5	Thôn Đắk Đe	908	237	X			X					
6	Thôn Đắk Tang	754	229	X			X					
86	Xã Mô Rai											
1	Làng Le	1.002	276	X			X					
2	Thôn Ia Xoăn	737	201	X			X					
87	Xã Ia Đal (không sắp xếp)											
1	Thôn 1	712	256	X			X					
2	Thôn 2	672	212	X			X					
3	Thôn 3	1262	402	X			X					
4	Thôn Ia Đal	646	219	X			X					
5	Thôn 4	349	96	X				X			(1) Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; (2) Địa bàn rộng; (3) Địa bàn khu vực biên giới (tiếp giáp với Campuchia) theo Công văn số 2080/BCH-TM ngày 10/4/2026 của do Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Đề án di dân tại Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 23/03/2018 và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 nhằm đảm bảo nguồn nhân lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh cho khu vực biên giới tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng (4) Theo Quyết định số 5458/QĐ-BQP ngày 29/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận xã trọng điểm về quốc phòng, xã Ia Đal được công nhận là xã trọng điểm về quốc phòng; (5) Là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu III theo Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên địa bàn xã chiếm 76,83%.	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Thôn 5	219	66	X				X			(1) Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; (2) Địa bàn rộng; (3) Địa bàn khu vực biên giới (tiếp giáp với Campuchia) theo Công văn số 2080/BCH-TM ngày 10/4/2026 của do Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Đề án di dân tại Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 23/03/2018 và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 nhằm đảm bảo nguồn nhân lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh cho khu vực biên giới tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng (4) Theo Quyết định số 5458/QĐ-BQP ngày 29/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận xã trọng điểm về quốc phòng, xã Ia Đal được công nhận là xã trọng điểm về quốc phòng; (5) Là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu III theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên địa bàn xã chiếm 76,83%.	
7	Thôn 6	446	129	X				X			(1) Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; (2) Địa bàn rộng; (3) Địa bàn khu vực biên giới (tiếp giáp với Campuchia) theo Công văn số 2080/BCH-TM ngày 10/4/2026 của do Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Đề án di dân tại Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 23/03/2018 và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 nhằm đảm bảo nguồn nhân lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh cho khu vực biên giới tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng (4) Theo Quyết định số 5458/QĐ-BQP ngày 29/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận xã trọng điểm về quốc phòng, xã Ia Đal được công nhận là xã trọng điểm về quốc phòng; (5) Là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu III theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên địa bàn xã chiếm 76,83%.	
8	Thôn 7	332	105	X				X			(1) Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; (2) Địa bàn rộng; (3) Địa bàn khu vực biên giới (tiếp giáp với Campuchia) theo Công văn số 2080/BCH-TM ngày 10/4/2026 của do Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Đề án di dân tại Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 23/03/2018 và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 nhằm đảm bảo nguồn nhân lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh cho khu vực biên giới tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng (4) Theo Quyết định số 5458/QĐ-BQP ngày 29/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận xã trọng điểm về quốc phòng, xã Ia Đal được công nhận là xã trọng điểm về quốc phòng; (5) Là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu III theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên địa bàn xã chiếm 76,83%.	

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tổng số thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	Trong đó:						Ghi chú	
					Đủ tiêu chuẩn 300 hộ trở lên (đối với đồng bằng)	Đủ tiêu chuẩn 250 hộ trở lên (đối với TDP thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 200 hộ trở lên (đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn)	Đủ tiêu chuẩn 60 hộ trở lên (ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông)	Dưới 60 hộ (có yếu tố đặc thù vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, tôn giáo hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư)	Dưới tiêu chuẩn và không có yếu tố đặc thù nhưng có lý do khác		Lý do không thực hiện sắp xếp (Vì các thôn có yếu tố đặc thù tại cột 9 + cột 10 + cột 11)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
9	Thôn 8	285	83	X				X			(1) Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; (2) Địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, cách trung tâm xã khoảng 40km; (3) Địa bàn khu vực biên giới (tiếp giáp với Campuchia) theo Công văn số 2080/BCH-TM ngày 10/4/2026 của do Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Đề án di dân tại Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 23/03/2018 và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 nhằm đảm bảo nguồn nhân lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh cho khu vực biên giới tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng. Đồng thời, trên địa bàn thôn dự kiến mở cửa khẩu phụ Hồ Lê (đã được quy hoạch chi tiết tại khu vực Mốc 19) dự kiến thu hút đông đảo dân cư; (4) Theo Quyết định số 5458/QĐ-BQP ngày 29/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận xã trọng điểm về quốc phòng, xã Ia Đal được công nhận là xã trọng điểm về quốc phòng; (5) Là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu III theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên địa bàn xã chiếm 76,83%.	
10	Thôn Chư Hem	261	87	X				X			(1) Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; (2) Địa bàn rộng; (3) Địa bàn khu vực biên giới (tiếp giáp với Campuchia) theo Công văn số 2080/BCH-TM ngày 10/4/2026 của do Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Đề án di dân tại Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 23/03/2018 và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 nhằm đảm bảo nguồn nhân lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh cho khu vực biên giới tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng (4) Theo Quyết định số 5458/QĐ-BQP ngày 29/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận xã trọng điểm về quốc phòng, xã Ia Đal được công nhận là xã trọng điểm về quốc phòng; (5) Là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu III theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên địa bàn xã chiếm 76,83%.	
11	Thôn Ia Der	362	101	X				X			(1) Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; (2) Địa bàn rộng; (3) Địa bàn khu vực biên giới (tiếp giáp với Campuchia) theo Công văn số 2080/BCH-TM ngày 10/4/2026 của do Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Đề án di dân tại Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 23/03/2018 và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 nhằm đảm bảo nguồn nhân lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh cho khu vực biên giới tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng (4) Theo Quyết định số 5458/QĐ-BQP ngày 29/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận xã trọng điểm về quốc phòng, xã Ia Đal được công nhận là xã trọng điểm về quốc phòng; (5) Là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu III theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên địa bàn xã chiếm 76,83%.	